

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Tiên;

Ông Nguyễn Hoài Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Hồng L, sinh năm 1983; Địa chỉ: khu vực N, phường Đ, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước A, sinh năm 1980; Địa chỉ: khu vực B, phường Đ, quận B, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông A và bà L tự nguyện tiến tới hôn nhân và ngày 25/7/2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới An Đông, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ. Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2015, ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do Ông A không biết chăm lo gia đình, gây nợ nần, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Ông bà đã ly thân nhau đến nay đã 7 năm, tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà L yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Hồng A(nữ), sinh năm 2003 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông A Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A, có con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông A có địa chỉ: khu vực B, phường Đ, quận B, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ xét xử lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông A và bà L tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới An Đông, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Ông A và bà L thì mâu thuẫn phát sinh từ việc Ông A không chăm lo gia đình, gây nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hiện tại ông bà ly thân nhau đã 7 năm. Tại phiên tòa bà L xác định không còn tình cảm với ông An, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Ông A không đến Tòa án đến giải quyết ly hôn cũng như không có ý kiến phản hồi nên nhận định hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà L yêu cầu ly hôn với Ông A là có cơ sở, phù hợp với căn cứ

cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Bà Võ Hồng L đối với bị đơn Ông Nguyễn Phước A .

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Võ Hồng L ly hôn với Ông Nguyễn Phước A .

2.Về con chung: Đã trưởng thành

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4.Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002456 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
- Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
- UBND P.Thới An Đông, Q.Bình Thủy
(nơi đk kết hôn-GCNKH 63, 25/7/2003);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lê Thị Thùy Hương